TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** **----------** ***Số: 78/2018/QĐST- HNGĐ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc *G, ngày 20 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 87/2018/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị H**, sinh năm 1987; trú tại: xóm Hòa B, thôn C, xã Gia M, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: **Anh Đinh Ngọc N**, sinh năm 1986; trú tại: xóm Hòa B, thôn C, xã Gia M, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 352, 353, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82 và 83, 107, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị H và anh Đinh Ngọc N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Đinh Ngọc N xác định có với nhau hai con chung là các cháu Đinh Mai P, sinh ngày 24/10/2011 và cháu Đinh Bình M, sinh ngày 02/10/2014, hiện nay cháu P và cháu M đang ở cùng với chị H. Giao các cháu Đinh Mai P và Đinh Bình M cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P và cháu M đủ 18 tuổi. Anh Đinh Ngọc N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/hai cháu, kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu P và M đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Đinh Ngọc N không thi hành án hoặc thi hành không

đầy đủ thì còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Đinh Ngọc N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0001088, ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Gia M;*
- *Lưu HS, VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q